

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2019/HSST

Ngày: 26/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ngõa Niê.
2. Ông Trần Phúc Nam.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Vịnh. Chức vụ: Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hương, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/ 2019/QĐXXST –HS ngày 11 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tuấn A; Sinh năm 1993 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố N, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Nông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án. Ngày 27/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (chưa được xóa án tích); Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 và bà Đoàn Thị Ph, sinh năm 1969; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K từ ngày 06/12/2018 đến nay (Có mặt).

- Người bị hại: Bà Đoàn Thị Ph, sinh ngày: 1969 (Có mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1965 (vắng mặt có đơn xin vắng)

Cư trú tại: Thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Phan Thị Th, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Phường A, Quận S, Thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: khu đô thị sinh thái H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Anh Phạm K, sinh ngày: 1995 (vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Trần Văn C, sinh ngày: 1986 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố 8, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 11/2018, bà Nguyễn Thị S trú tại thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho bà Đoàn Thị Ph, là mẹ của bị cáo mượn xe mô tô biển số 47KM - 0355 để làm phương tiện đi lại. Khoảng 17 giờ ngày 29/11/2018, bà Ph dựng xe mô tô ngoài sân rồi đi vào nhà làm việc. Lúc này, Nguyễn Tuấn A lợi dụng sơ hở nên đã trộm cắp xe mô tô 47KM - 0355 chạy lên nhà trọ ở thị trấn P ở cùng với bạn là Phạm K trú tại thị trấn P và nhờ K cầm cố xe mô tô này cho Trần Văn C được 1.000.000 đồng và tiêu xài hết số tiền này. Ngày 30/11/2018, bà Nguyễn Thị S gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc. Ngày 06/12/2018, Nguyễn Tuấn A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐG ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 43KM-0355, nhãn hiệu Honda, loại 50CC, màu xanh, số máy C50E-0233434; số khung C500233428. Có giá trị 4.100.000 đồng.

Trong quá trình điều tra đã xác định chiếc xe máy biển số 43KM-0355 chủ sở hữu là bà Phan Thị Th. Đến khoảng năm 1990 bà Th đã bán cho người khác nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ và bà không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này.

Vật chứng thu giữ được: 01 xe mô tô biển số 47KM-0355, màu xanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 20/KSĐT-HS ngày 26/02/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 29/11/2018, tại nhà bà Đoàn Thị Ph thuộc thôn P, xã V, huyện K, Nguyễn Tuấn A đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của bà Ph trong việc quản lý tài sản đã trộm cắp 01 xe mô tô biển số 47KM – 0355, màu xanh mà bà Ph đang trực tiếp quản lý. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 4.100.000 đồng.

Người bị hại bà Đoàn Thị Ph và người liên quan bà Nguyễn Thị S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đ mà anh đã nhận cầm cố tài sản cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả 01 xe mô tô biển số 43KM-0355, màu xanh cho bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị Ph, bà Nguyễn Thị S và bà Phan Thị Th không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn C số tiền 1.000.000 đồng là số tiền mà anh C đã cầm cố xe của bị cáo.

Phần tranh luận bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 29/11/2018, tại nhà bà Đoàn Thị Ph ở thôn P, xã V, huyện K, Nguyễn Tuấn A đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 47KM – 0355, màu xanh do bà Đoàn Thị Ph đang trực tiếp quản lý. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức được rằng chiếc xe mô tô biển số 47KM – 0355 là tài sản của bà Đoàn Thị Ph mượn của bà Nguyễn Thị S không thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, bị cáo có 01 tiền án, ngày 27/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K,

tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Với hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, HĐXX xét thấy phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thêm thời gian và tạo môi trường tốt để cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét trong khi áp dụng hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo và chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với anh Phạm K là người được bị cáo trực tiếp nhờ cầm cố xe cho Trần Văn C, nhưng khi thực hiện việc cầm cố chiếc xe nói trên thì C và K không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý hình sự đối K và C.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 01 xe mô tô biển số 43KM-0355, màu xanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra cho bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị Ph và bà Nguyễn Thị S và bà Phan Thị Th không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết. Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà Trần Văn C trả cho bị cáo để nhận cầm cố xe, Trần Văn C không biết tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy buộc bị cáo trả lại cho Trần Văn C số tiền 1.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị tuyên bố Nguyễn Tuấn A phạm tội trộm cắp tài sản, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, phân xử lý trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, Viện Kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 18 tháng là có phần nghiêm khắc. Mặc dù bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, song xét thấy tài sản bị cáo trộm cắp không lớn, tài sản được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự. Vì vậy HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức viện kiểm sát đề nghị cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 06/12/2018.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trao trả 01 xe mô tô biển số 43KM-0355, màu xanh cho bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A trả cho anh Trần Văn C 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Đối với bà Nguyễn Thị S, bà Đoàn Thị Ph và bà Phan Thị Th không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- T.H.A.H.S CA huyện Krông Pắc;
- CQ CSĐT CA huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo,Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Long